

Bản án: 01/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 04-01-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN**

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

2. Ông Nguyễn Chí Lin.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa (toà lạc tại Khu B, thị trấn H) tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 707/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2021 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp S, thị trấn H, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp S, thị trấn H, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Út L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 14/6/2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị và anh Huỳnh Văn T sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Sau đó, bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Chị và anh T không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị và anh T sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn anh T.

Con chung: Huỳnh Thanh Trúc, sinh ngày 29/8/2009. Từ khi sống ly thân đến nay, con do chị X nuôi. Nay chị xin nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị có công việc ổn định, thu nhập của chị khoản 7.500.000đ/tháng nên chị đủ điều kiện nuôi con.

T sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Chị và anh T nợ tiền bà Nguyễn Thị Út Lớn 40.000.000đ. Chị đồng ý trả cho bà Út Lớn 20.000.000đ.

Bị đơn anh Huỳnh Văn T trình bày về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, về con chung, T sản chung, nợ chung như chị X đã trình bày. Vợ chồng chung sống không phát sinh mâu thuẫn nên chị X xin ly hôn anh không đồng ý.

Con chung: Cháu Huỳnh Thanh Trúc, sinh ngày 29/8/2009. Con hiện đang sống với chị X. Nếu Tòa xử cho ly hôn anh xin nuôi con, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

T sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Anh và chị X nợ tiền bà Nguyễn Thị Út Lớn 40.000.000đ. Anh đồng ý trả cho bà Út Lớn 20.000.000đ,

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Út Lớn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Chị X và anh T có nợ bà 40.000.000đ. Nay bà yêu cầu chị X trả cho bà 20.000.000đ, anh T trả cho bà 20.000.000đ. Thời gian trả vào ngày 10/3/2022. Vì bận việc bà xin vắng mặt tại các phiên xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn T, Anh T hiện có hộ khẩu thường trú tại thị trấn H, huyện Đức Hòa nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Út Lớn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Huỳnh Văn T chung sống với nhau vào năm 2012 có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa chị X và

Anh T được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, chị X và Anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị X xin ly hôn Anh T, Anh T không đồng ý ly hôn.

[3] Xét thấy chị X và Anh T chung sống với nhau, phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn lại được. Chị X và Anh T không tự giải quyết được mâu thuẫn để vợ, chồng đoàn tụ nên chị X cương quyết xin ly hôn. Anh T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa chị X và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị X xin ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X đối với anh T.

[4] Về con chung: Cháu Huỳnh Thanh Trúc, sinh ngày 29/8/2009. Sau khi ly hôn chị X xin tiếp tục nuôi con, anh T cũng xin được quyền nuôi con. Xét thấy cháu Trúc đang sống ổn định với chị X, chị X có thu nhập đủ điều kiện để nuôi con nên cần thiết để cháu Trúc cho chị X tiếp tục nuôi là phù hợp cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu là khi chị X và anh T ly hôn cháu có nguyện vọng sống với chị X. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị X không có yêu cầu.

[5] Về T sản chung: Chị X và anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Út Lớn yêu cầu chị X và anh T trả số tiền nợ 40.000.000đ. Chị X và anh T thống nhất nợ bà Út Lớn số tiền là 40.000.000đ, chị X đồng ý trả cho bà Út Lớn 20.000.000đ, anh T đồng ý trả cho bà Út Lớn 20.000.000đ. Bà Út Lớn cũng thống nhất về việc trả nợ của chị X và anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện các bên. Theo đó, Chị X có trách nhiệm trả cho bà Út Lớn 20.000.000đ, anh T có trách nhiệm trả cho bà Út Lớn 20.000.000đ. Thời gian trả vào ngày 10/3/2022.

[7] Chị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí nghĩa vụ trả nợ, anh T chịu án phí về nghĩa vụ trả nợ theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X đối với anh Huỳnh Văn T về việc “ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

Việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị X được quyền tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Thanh Trúc, sinh ngày 29/8/2009, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị X không có yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

Về T sản chung: Không có.

Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Út Lớn về việc “tranh chấp hợp đồng vay T sản” đối với chị Nguyễn Thị X và anh Huỳnh Văn T.

Chị Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Út Lớn số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), anh Huỳnh Văn T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Út Lớn số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Thời gian trả vào ngày 10/3/2022.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.000.000đ án phí về nghĩa vụ trả nợ sung công quỹ nhà nước, chị X được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009044 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Chị X còn phải nộp 1.000.000đ. Anh T chịu 1.000.000đ án phí nghĩa vụ trả nợ sung Công quỹ nhà nước. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Út Lớn 1.000.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0009293 ngày 17/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- UBND thị trấn H;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Quyên